

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**

**BỘ MÔN NỘI**

**BẢNG KIỂM DẠY/HỌC KỸ NĂNG KHAI THÁC BỆNH SỬ, TIỀN SỬ Y3**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Không làm (0)</b>	<b>Làm thiếu/ không đúng (1)</b>	<b>Làm đủ, đúng (2)</b>	<b>Làm đủ, tốt (3)</b>
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị</b>				
	Giường bệnh gọn gàng, thầy thuốc có trang phục đầy đủ, giấy bút ghi chép				
<b>2</b>	<b>Khai thác lý do khám bệnh/nhập viện</b>				
	Đặt câu hỏi phù hợp, nhận định đúng				
<b>3</b>	<b>Khai thác bệnh sử</b>				
3.1	Khai thác đầy đủ các triệu chứng liên quan đến lý do khám bệnh/nhập viện				
3.2	Khai thác đầy đủ các tính chất của triệu chứng O - khởi phát P - yếu tố làm nặng/giảm nhẹ triệu chứng Q - Tính chất/định lượng triệu chứng R - Vị trí, hướng lan S - Mức độ nặng bệnh T - Thời gian, thời điểm A - Triệu chứng kèm theo A - Sự lý giải của bệnh nhân về triệu chứng				
3.3	Khai thác được xử trí tại nhà/tuyến dưới và đáp ứng của người bệnh				
3.4	Sử dụng câu hỏi phù hợp (câu hỏi gợi mở, không sử dụng từ chuyên môn gây hiểu lầm cho bệnh nhân)				
<b>4</b>	<b>Khai thác tiền sử</b>				
4.1	Sự xuất hiện của triệu chứng trong quá khứ, cách xử trí và kết quả				
4.2	Các bệnh nội khoa (chẩn đoán, điều trị, kết quả)				
4.3	Tiền sử phẫu thuật, sản khoa (nếu có)				
4.4	Các yếu tố nguy cơ, các thói quen ảnh hưởng đến sức khỏe				
4.5	Tiền sử dị ứng				
<b>5</b>	<b>Kết luận</b>				
	Trình bày đủ, đúng những điểm quan trọng về lý do khám bệnh/nhập viện, bệnh sử, tiền sử				
<b>6</b>	<b>Kỹ năng giao tiếp - chuyên nghiệp</b>				
6.1	Chào hỏi, giới thiệu bản thân, cảm ơn và thông báo kết quả sau khi khám				
6.2	Hỏi xác định đúng bệnh nhân cần khám, giải thích để bệnh nhân hợp tác khi thăm khám				

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**  
**BỘ MÔN NỘI**

**BẢNG KIỂM DẠY/HỌC KỸ NĂNG KHÁM KHÓ THỞ Y3**

TT	Nội dung	Không làm (0)	Làm thiếu/ không đúng (1)	Làm đủ, đúng (2)	Làm đủ, tốt (3)
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị</b>				
	Thầy thuốc đứng phía trước bệnh nhân, trang phục đầy đủ, có ống nghe, đồng hồ				
<b>2</b>	<b>Nhận định tri giác</b>				
	Quan sát: tỉnh, kích thích, lơ mơ; nhận định đúng				
<b>3</b>	<b>Quan sát tư thế</b>				
	Quan sát tư thế bệnh nhân (nằm đầu bằng, nằm đầu cao, ngồi,...) và dụng cụ hỗ hấp nếu có; nhận định đúng				
<b>4</b>	<b>Đánh giá lời nói</b>				
	Hỏi bệnh nhân để đánh giá khả năng nói câu dài, câu ngắn, từng từ, không nói được; nhận định đúng				
<b>5</b>	<b>Quan sát dấu hiệu tím môi, đầu chi</b>				
	Thực hiện đúng kỹ thuật: khám niêm mạc trong môi bằng 2 tay; khám đầu chi có so sánh với người bình thường (tay người khám); nhận định đúng				
<b>6</b>	<b>Quan sát dấu hiệu rút lõm</b>				
	Quan sát sự rút lõm đầy đủ các vị trí: hõm trên ức, hố thượng đòn, cơ liên sườn (thành bên ngực); bộc lộ vị trí quan sát đúng; nhận định đúng				
<b>7</b>	<b>Quan sát kiểu thở</b>				
	Quan sát kiểu thở (thở nhanh nông, thở chậm sâu, ngừng thở, nghịch thường); nhận định đúng				
<b>8</b>	<b>Đếm tần số thở</b>				
	Thực hiện đúng kỹ thuật (tay để lên bụng người bệnh, đếm đủ trong 1 phút); nhận định đúng				
<b>9</b>	<b>Đo huyết áp, bắt mạch</b>				
	Thực hiện đúng kỹ thuật đo huyết áp, đếm tần số mạch; nhận định đúng				
<b>10</b>	<b>Kết luận</b>				
	Xác định có khó thở hay không và mức độ khó thở				
<b>11</b>	<b>Kỹ năng giao tiếp - chuyên nghiệp</b>				
11.1	Thái độ nhanh chóng, khẩn trương, chính xác				
11.2	Hỏi xác định đúng bệnh nhân cần khám, giải thích để bệnh nhân hợp tác khi thăm khám, giải thích cho bệnh nhân và người nhà kết quả thăm khám (nếu cần)				

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**  
**BỘ MÔN NỘI**

**BẢNG KIỂM DẠY/HỌC KỸ NĂNG KHÁM THIẾU MÁU Y3**

TT	Nội dung	Không làm (0)	Làm thiếu/ không đúng (1)	Làm đủ, đúng (2)	Làm đủ, tốt (3)
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị</b>				
	Thầy thuốc đứng phía trước bệnh nhân, trang phục đầy đủ, có ống nghe, huyết áp, đồng hồ; ánh sáng đủ				
<b>2</b>	<b>Nhận định tri giác</b>				
	Quan sát: tỉnh, kích thích, lơ mơ; nhận định đúng				
<b>3</b>	<b>Quan sát</b>				
3.1	Niêm mạc mắt: bộc lộ đồng thời mi dưới 2 mắt bằng ngón tay 1 để quan sát màu sắc (hồng, nhợt...); nhận định đúng				
3.2	Môi, miệng, lợi, lưỡi (màu sắc, các dấu hiệu bất thường); nhận định đúng về màu sắc, các dấu hiệu bất thường				
3.3	Lòng bàn tay, móng tay (đối xứng và so sánh với người bình thường); lòng bàn chân, móng chân; nhận định đúng (màu sắc, hình thái, độ bóng)				
<b>4</b>	<b>Đếm mạch</b>				
	Bắt mạch quay, đếm mạch trong 1 phút; nhận định đúng				
<b>5</b>	<b>Đo huyết áp</b>				
	Thực hiện đúng kỹ thuật đo huyết áp; nhận định đúng				
<b>6</b>	<b>Nghe tim</b>				
	Nghe ở mỏm tim để xác định tiếng thổi tâm thu, ngựa phi; nhận định đúng				
<b>7</b>	<b>Kết luận</b>				
	Xác định có thiếu máu không, mức độ thiếu máu, cấp hay mạn tính				
<b>8</b>	<b>Kỹ năng giao tiếp - chuyên nghiệp</b>				
8.1	Thái độ nhanh chóng, khẩn trương, chính xác				
8.2	Chào hỏi, giới thiệu bản thân, hỏi xác định đúng bệnh nhân cần khám, giải thích để bệnh nhân hợp tác khi thăm khám, cảm ơn và thông báo kết quả.				

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**  
**BỘ MÔN NỘI**

**BẢNG KIỂM DẠY/HỌC KỸ NĂNG KHÁM VÀNG DA Y3**

TT	Nội dung	Không làm (0)	Làm thiếu/ không đúng (1)	Làm đủ, đúng (2)	Làm đủ, tốt (3)
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị</b>				
1.1	Giường bệnh gọn gàng, Nơi khám đủ ánh sáng (ánh sáng trắng hoặc ánh sáng tự nhiên) thầy thuốc đứng phía trước bệnh nhân, không chắn ánh sáng.				
1.2	Bệnh nhân ở tư thế ngồi hoặc nằm, mặt hướng về phía ánh sáng.				
<b>2</b>	<b>Quan sát da</b>				
2.1	Quan sát đúng và đủ vị trí: vùng da mỏng được che kín như ngực, bụng, mặt trong cánh tay, cẳng tay, mặt trong đùi, cẳng chân 2 bên				
2.2	Nhận định đúng (màu sắc da và các bất thường)				
<b>3</b>	<b>Quan sát củng mạc</b>				
3.1	Thực hiện đúng kỹ thuật: thầy thuốc dùng ngón cái đặt vào mi trên nhẹ nhàng kéo lên trên và yêu cầu bệnh nhân đưa mắt xuống phía dưới chân				
3.2	Nhận định đúng (màu sắc củng mạc và các bất thường)				
<b>4</b>	<b>Quan sát hãm lưỡi</b>				
4.1	Thực hiện đúng kỹ thuật: hướng dẫn bệnh nhân há miệng, cong lưỡi để quan sát hãm lưỡi				
4.2	Nhận định đúng (màu sắc hãm lưỡi và các bất thường)				
<b>5</b>	<b>Kết luận</b>				
	Vàng da, đặc điểm mức độ,				
<b>6</b>	<b>Kỹ năng giao tiếp - chuyên nghiệp</b>				
6.1	Thái độ nhanh chóng, khẩn trương, chính xác				
6.2	Chào hỏi, giới thiệu bản thân, hỏi xác định đúng bệnh nhân cần khám, giải thích để bệnh nhân hợp tác khi thăm khám, cảm ơn và thông báo kết quả.				

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**  
**BỘ MÔN NỘI**

**BẢNG KIỂM DẠY/HỌC KỸ NĂNG KHÁM PHÙ Y3**

TT	Nội dung	Không làm (0)	Làm thiếu/ không đúng (1)	Làm đủ, đúng (2)	Làm đủ, tốt (3)
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị</b>				
1.1	Thầy thuốc đứng phía trước bệnh nhân, trang phục đầy đủ				
1.2	Bệnh nhân nằm ngửa, nghiêng hoặc ngồi thoải mái trên giường bệnh (tùy theo kỹ thuật); bộc lộ vùng cần khám gọn gàng.				
<b>2</b>	<b>Hỏi bệnh</b>				
	Cảm giác nặng tức ngực, mi mắt, chân; số lượng nước tiểu, cân nặng; nhận định đúng				
<b>3</b>	<b>Quan sát</b>				
	Quan sát da (trán, mi mắt, mu tay, ngực, bụng, lưng, mặt trước trong xương chày, bàn chân): sự căng bóng, mất nếp nhăn, nếp lằn quần, lằn chiếu hoặc mất chỗ lõm tự nhiên; nhận định đúng				
<b>4</b>	<b>Ấn</b>				
4.1	Đúng nguyên tắc: trên nền xương cứng, tương đối phẳng ở những vùng nghi ngờ có phù khi quan sát (trán, ngực, cột sống thắt lưng, da bụng, cẳng tay, mu tay, mặt trước trong cẳng chân, mu chân). Trường hợp không nghi ngờ ấn cột sống thắt lưng và mặt trước trong xương cẳng chân				
4.2	Đúng kỹ thuật: sử dụng đầu ngón 1 của tay thuận, ấn nhẹ nhàng với lực vừa phải 1 vài giây sau đó quan sát, miết nhẹ nơi ấn để xác định dấu lõm (nếu cần)				
4.3	Nhận định đúng				
<b>5</b>	<b>Kết luận</b>				
	Xác định có phù hay không; tính chất phù: vị trí, mức độ, màu sắc, cứng/mềm (nếu có)				
<b>6</b>	<b>Kỹ năng giao tiếp - Chuyên nghiệp</b>				
6.1	Chào hỏi, giới thiệu bản thân, cảm ơn và thông báo kết quả sau khi khám				
6.2	Hỏi xác định đúng bệnh nhân cần khám, giải thích để bệnh nhân hợp tác khi khám				

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**  
**BỘ MÔN NỘI**

**BẢNG KIỂM DẠY/HỌC KỸ NĂNG KHÁM TUYẾN GIÁP Y3**

TT	Nội dung	Không làm (0)	Làm thiếu/ không đúng (1)	Làm đủ, đúng (2)	Làm đủ, tốt (3)
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị</b>				
1.1	Thầy thuốc đứng phía trước bệnh nhân, trang phục đầy đủ, có thước dây, ống nghe				
1.2	Bệnh nhân ở tư thế ngồi, bộc lộ vùng cổ khám				
<b>2</b>	<b>Quan sát</b>				
2.1	Quan sát nửa dưới cổ (khôî vòng lên, màu sắc da, di động theo nhịp nuốt)				
2.2	Nhận định đúng				
<b>3</b>	<b>Sờ</b>				
3.1	Thực hiện đúng kỹ thuật: dùng 2 – 3 đầu ngón tay sờ (nhiệt độ, bề mặt, mật độ, ranh giới, đau, di động theo nhịp nuốt, rung miu)				
3.2	Nhận định đúng				
<b>4</b>	<b>Đo</b>				
4.1	Thực hiện đúng kỹ thuật: dùng thước dây đo kích thước 2 tuyến theo 2 chiều				
4.1	Nhận định đúng				
<b>5</b>	<b>Nghe</b>				
5.1	Thực hiện đúng kỹ thuật: đặt ống nghe áp sát da trên bề mặt tuyến				
5.2	Nhận định đúng (tiếng thổi)				
<b>6</b>	<b>Kết luận</b>				
	Tuyến giáp có to không, nếu to mô tả phân độ, tính chất, mật độ, kích thước				
<b>7</b>	<b>Kỹ năng giao tiếp - chuyên nghiệp</b>				
7.1	Chào hỏi, giới thiệu bản thân, cảm ơn và thông báo kết quả sau khi khám.				
7.2	Hỏi xác định đúng bệnh nhân cần khám, giải thích để bệnh nhân hợp tác khi thăm khám.				

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**

**BỘ MÔN NỘI**

**BẢNG KIỂM DẠY/HỌC KỸ NĂNG KHÁM HẠCH NGOẠI VI Y3**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Không làm (0)</b>	<b>Làm thiếu/ không đúng (1)</b>	<b>Làm đủ, đúng (2)</b>	<b>Làm đủ, tốt (3)</b>
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị</b>				
	Giường bệnh gọn gàng, phòng khám đủ ánh sáng thầy thuốc có trang phục đầy đủ,				
<b>2</b>	<b>Khám hạch ngoại trước, sau tai 2 bên</b>				
2.1	Tư thế bệnh nhân và thầy thuốc phù hợp, Bộc lộ đầy đủ, gọn gàng vùng cần khám				
2.2	Quan sát sự biến đổi da phủ ngoài hạch: khối vồng lên, căng bóng, phù nề, lỗ dò chảy mủ, màu sắc, se; nhận định đúng				
2.3	Sờ hạch đúng quy tắc, kỹ thuật; nhận định đúng				
<b>3</b>	<b>Khám hạch xung quanh mồm chũm, xương chũm 2 bên</b>				
3.1	Tư thế bệnh nhân và thầy thuốc phù hợp, Bộc lộ đầy đủ, gọn gàng vùng cần khám				
3.2	Quan sát sự biến đổi da phủ ngoài hạch (như trên); nhận định đúng				
3.3	Sờ hạch đúng quy tắc, kỹ thuật; nhận định đúng				
<b>4</b>	<b>Khám hạch dưới hàm, góc hàm 2 bên</b>				
4.1	Tư thế bệnh nhân và thầy thuốc phù hợp, Bộc lộ đầy đủ, gọn gàng vùng cần khám				
4.2	Quan sát sự biến đổi da phủ ngoài hạch (như trên); nhận định đúng				
7.3	Sờ hạch đúng quy tắc, kỹ thuật; nhận định đúng				
<b>5</b>	<b>Khám hạch trong, ngoài cơ ức đòn chũm 2 bên</b>				
5.1	Tư thế bệnh nhân và thầy thuốc phù hợp, Bộc lộ đầy đủ, gọn gàng vùng cần khám				
5.2	Quan sát sự biến đổi da phủ ngoài hạch (như trên); nhận định đúng				
5.3	Sờ hạch đúng quy tắc, kỹ thuật; nhận định đúng				
<b>6</b>	<b>Khám hạch hố thượng đòn 2 bên</b>				
6.1	Tư thế bệnh nhân và thầy thuốc phù hợp, Bộc lộ đầy đủ, gọn gàng vùng cần khám				
6.2	Quan sát sự biến đổi da phủ ngoài hạch (như trên); nhận định đúng				
6.3	Sờ hạch đúng quy tắc, kỹ thuật; nhận định đúng				
<b>7</b>	<b>Khám hạch ngoại vi vùng nách 2 bên</b>				
7.1	Tư thế bệnh nhân và thầy thuốc phù hợp, Bộc lộ đầy đủ, gọn gàng vùng cần khám				
7.2	Quan sát sự biến đổi da phủ ngoài hạch (như trên); nhận định đúng				
7.3	Sờ hạch đúng quy tắc, kỹ thuật; nhận định đúng				

<b>8</b>	<b>Khám hạch ống cánh tay 2 bên</b>				
8.1	Tư thế bệnh nhân và thầy thuốc phù hợp, Bộ lộ đầy đủ, gọn gàng vùng cần khám				
8.2	Quan sát sự biến đổi da phủ ngoài hạch (như trên); nhận định đúng				
8.3	Sờ hạch đúng quy tắc, kỹ thuật; nhận định đúng				
<b>9</b>	<b>Khám hạch bẹn 2 bên</b>				
9.1	Tư thế bệnh nhân và thầy thuốc phù hợp, Bộ lộ đầy đủ, gọn gàng vùng cần khám				
9.2	Sờ hạch đúng quy tắc, kỹ thuật; nhận định đúng				
<b>10</b>	<b>Khám hạch khoeo chân 2 bên</b>				
10.1	Tư thế bệnh nhân và thầy thuốc phù hợp, Bộ lộ đầy đủ, gọn gàng vùng cần khám				
10.2	Quan sát sự biến đổi da phủ ngoài hạch (như trên); nhận định đúng				
10.3	Sờ hạch đúng quy tắc, kỹ thuật; nhận định đúng				
<b>11</b>	<b>Kết luận</b>				
	Bình thường hoặc các bất thường nếu có: vị trí, số lượng, kích thước, mật độ, độ di động, đau, biến đổi da phủ ngoài hạch.				
<b>12</b>	<b>Kỹ năng giao tiếp - chuyên nghiệp</b>				
12.1	Chào hỏi, giới thiệu bản thân, cảm ơn và thông báo kết quả sau khi khám.				
12.2	Hỏi xác định đúng bệnh nhân cần khám, giải thích để bệnh nhân hợp tác khi thăm khám.				



**ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**  
**BỘ MÔN NỘI**

**BẢNG KIỂM DẠY/HỌC KỸ NĂNG KHÁM TIM Y3**

TT	Nội dung	Không làm (0)	Làm thiếu/ không đúng (1)	Làm đủ, đúng (2)	Làm đủ, tốt (3)
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị</b>				
1.1	Thầy thuốc đứng bên phải bệnh nhân, có đủ ống nghe, đồng hồ bấm giây				
1.2	Bệnh nhân nằm ngửa, bộc lộ vùng ngực trước tim đủ rộng, gọn gàng				
<b>2</b>	<b>Quan sát tim</b>				
2.1	Quan sát lồng ngực (hình dạng, màu sắc da, phù, tuần hoàn, sẹo mổ); nhận định đúng				
2.2	Quan sát tim đập, diện đập mỏm tim, ổ đập bất thường; nhận định đúng				
<b>3</b>	<b>Sờ tim</b>				
3.1	Sờ mỏm tim ở tư thế nằm ngửa (nghiêng trái), đúng kỹ thuật (cả bàn tay)				
3.2	Sờ rung miu (có bắt mạch) đủ 5 vị trí cơ bản (mỏm tim, ổ 3 lá, Erb - botkin, động mạch chủ, động mạch phổi)				
3.3	Sờ dấu hiệu Harzer (bệnh nhân nằm ngửa, chân co, sờ bằng đầu ngón tay đặt dưới mũi ức)				
3.4	Nhận định đúng				
<b>4</b>	<b>Nghe tim</b>				
4.1	Nghe đủ 5 vị trí cơ bản, ở tư thế nằm ngửa, đúng kỹ thuật (đặt ống nghe áp sát thành ngực, bắt mạch)				
4.2	Nghe ổ van 2 lá tư thế nằm nghiêng trái (bệnh nhân nằm nghiêng, chân trên co, chân dưới duỗi, 2 tay đặt sau gáy hoặc xuôi theo thân mình)				
4.3	Nghe ổ van động mạch chủ ở tư thế ngồi (bệnh nhân ngồi hơi cúi, hay tay đặt sau gáy hoặc đặt trên đùi)				
4.4	Đếm tần số tim trong 1 phút				
4.5	Nhận định đúng				
<b>5</b>	<b>Kết luận</b>				
	Bình thường hoặc những bất thường (nếu có)				
<b>6</b>	<b>Kỹ năng giao tiếp - chuyên nghiệp</b>				
6.1	Chào hỏi, giới thiệu bản thân, cảm ơn và thông báo kết quả sau khi khám.				
6.2	Hỏi xác định đúng bệnh nhân cần khám, giải thích để bệnh nhân hợp tác khi thăm khám.				

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**  
**BỘ MÔN NỘI**

**BẢNG KIỂM DẠY/HỌC KỸ NĂNG KHÁM ĐỘNG MẠCH Y3**

TT	Nội dung	Không làm (0)	Làm thiếu/ không đúng (1)	Làm đủ, đúng (2)	Làm đủ, tốt (3)
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị</b>				
1.1	Thầy thuốc trang phục đầy đủ, có ống nghe, đồng hồ; đứng bên phải bệnh nhân				
1.2	Bệnh nhân nằm ngửa, 2 chân co nhẹ 45° (khi khám vùng bụng), bộc lộ 10 vị trí ĐM: thái dương nông, cánh, cánh tay, quay, chủ bụng, thận, đùi, khoeo, chày trước và chày sau đủ rộng, gọn gàng				
<b>2</b>	<b>Quan sát động mạch</b>				
2.1	Dấu hiệu ĐM nổi vồng lên dưới da (ĐM cánh, cánh tay, quay, chủ bụng, chày trước, chày sau); nhận định đúng				
2.2	Thay đổi màu sắc da vùng ĐM chi phối, dấu hiệu hoại tử chi; nhận định đúng				
<b>3</b>	<b>Sờ động mạch</b>				
3.1	Thực hiện đúng kỹ thuật kiểm tra nhiệt độ da bằng mu tay đồng thời 2 bên (cánh tay, bàn tay; cẳng chân, bàn chân)				
3.2	Thực hiện bắt mạch đủ các vị trí mạch máu (trừ động mạch thận), đúng kỹ thuật: đặt dọc đường đi ĐM bằng 3 đầu ngón tay (2,3,4) dọc đường đi ĐM, cùng 1 lúc 2 bên (trừ ĐM cánh, chủ bụng), đối chiếu mạch quay và mạch đùi; kỹ thuật đánh giá tính chất thành mạch: lăn nhẹ đầu ngón tay trên thành mạch				
3.3	Đếm tần số mạch (thường là ĐM quay)				
3.4	Nhận định đúng				
<b>4</b>	<b>Nghe động mạch</b>				
4.1	Đúng kỹ thuật (sử dụng ống nghe đặt nhẹ lên các vị trí nghe mạch kèm theo bắt mạch), đủ vị trí (ĐM cánh 2 bên, chủ bụng, thận 2 bên, đùi 2 bên)				
4.2	Nhận định đúng				
<b>5</b>	<b>Đo huyết áp động mạch</b>				
	Đúng kỹ thuật, nhận định đúng				
<b>6</b>	<b>Kết luận</b>				
	Bình thường hoặc các bất thường (nếu có)				
<b>7</b>	<b>Kỹ năng giao tiếp - chuyên nghiệp</b>				
7.1	Chào hỏi, giới thiệu bản thân, cảm ơn và thông báo kết quả sau khi khám.				
7.2	Hỏi xác định đúng bệnh nhân cần khám, giải thích để bệnh nhân hợp tác khi thăm khám.				

*Ghi chú: ĐM - động mạch*

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**  
**BỘ MÔN NỘI**

**BẢNG KIỂM DẠY/HỌC KỸ NĂNG KHÁM PHỔI Y3**

TT	Nội dung	Không làm (0)	Làm thiếu/ không đúng (1)	Làm đủ, đúng (2)	Làm đủ, tốt (3)
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị</b>				
1.1	Giường bệnh gọn gàng, thầy thuốc trang phục đầy đủ, ống nghe				
1.2	Bệnh nhân ở tư thế ngồi, dễ quan sát đủ 3 mặt của lồng ngực. Bộc lộ đủ vùng cần khám, gọn gàng				
<b>2</b>	<b>Quan sát (mặt trước, mặt sau, mặt bên)</b>				
2.1	Quan sát lồng ngực và sự bất thường của lồng ngực (gù, vẹo, xương ức...), nhận định đúng				
2.2	Quan sát sự di động theo nhịp thở của các khoang liên sườn và bất thường của khoang liên sườn (vòng cao, hẹp, hạn chế di động), nhận định đúng				
<b>3</b>	<b>Sờ</b>				
3.1	Sờ rung thanh (áp lòng bàn tay, đối xứng hai bên)				
3.2	Sờ các dấu hiệu bất thường khác (điểm đau khu trú trên thành ngực, tràn khí dưới da, phù (nếu có))				
3.3	Nhận định đúng kết quả				
<b>4</b>	<b>Gõ</b>				
4.1	Gõ từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, đối xứng hai bên, tiếng rõ ràng, đủ cả 3 mặt				
4.2	Đúng kỹ thuật (bàn tay xòe rộng áp sát thành ngực, ngón tay đặt đúng khoang liên sườn, di động cổ tay khi gõ)				
4.3	Nhận định kết quả đúng (trong, đục, vang)				
<b>5</b>	<b>Nghe</b>				
5.1	Nghe từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, đối xứng hai bên, nghe đủ cả 3 mặt, không được để lên xương bả vai				
5.2	Đảm bảo đúng kỹ thuật: áp sát ống nghe vào thành ngực, nghe đủ cả 2 thì				
<b>6.</b>	<b>Kết luận</b>				
	Bình thường hoặc những điểm bất thường (nếu có)				
<b>7</b>	<b>Kỹ năng giao tiếp - chuyên nghiệp</b>				
7.1	Chào hỏi, giới thiệu bản thân, cảm ơn và thông báo kết quả sau khi khám.				
7.2	Hỏi xác định đúng bệnh nhân cần khám, giải thích để bệnh nhân hợp tác khi thăm khám.				

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**  
**BỘ MÔN NỘI**

**BẢNG KIỂM DẠY/HỌC KỸ NĂNG KHÁM THẬN - TIẾT NIỆU Y3**

TT	Nội dung	Không làm (0)	Làm thiếu/ không đúng (1)	Làm đủ, đúng (2)	Làm đủ, tốt (3)
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị</b>				
1.1	Giường bệnh gọn gàng, thầy thuốc đứng bên phải bệnh nhân				
1.2	Khám tư thế nằm: Bệnh nhân nằm ngửa, tay xuôi thân mình, ngay ngắn, chân co 45 độ, bộc lộ đầy đủ ổ bụng, gọn gàng				
1.3	Khám tư thế ngồi: Bệnh nhân ngồi thẳng lưng, bộ lộ vùng thắt lưng (từ xương sườn 12 đến thắt lưng)				
<b>Tư thế nằm</b>					
<b>2.</b>	<b>Nhìn</b>				
	Quan sát vùng mạng sườn 2 bên, hạ vị: Khối, sẹo, biến đổi màu sắc da; nhận định đúng				
<b>3.</b>	<b>Sờ</b>				
3.1	Thực hiện đúng nguyên tắc khám bụng (theo nhịp thở)				
3.2	Thực hiện đúng kỹ thuật sờ thận (tay thuận ở trên, tay không thuận ở dưới, từ bờ ngoài cơ thắt bụng ra ngoài)				
3.3	Thực hiện đúng kỹ thuật sờ bàng quang (từ rốn xuống hạ vị)				
3.4	Thực hiện nghiệm pháp chạm thận, bập bênh thận				
3.5	Ấn điểm niệu quản trên, giữa 2 bên				
3.6	Nhận định đúng				
<b>4</b>	<b>Gõ</b>				
4.1	- Đúng nguyên tắc gõ bụng (theo hình nan hoa, đầy đủ các vị trí), thực hiện đúng kỹ thuật				
4.2	- Nhận định đúng				
<b>5</b>	<b>Nghe</b>				
	Nghe động mạch thận và khối thận to (nếu có)				
<b>Tư thế ngồi</b>					
<b>6</b>	<b>Nhìn</b>				
	Quan sát hố thắt lưng hai bên: (hình dáng, da, sẹo), nhận định đúng				
<b>7</b>	<b>Sờ</b>				
7.1	Thực hiện đúng nguyên tắc, kỹ thuật vỗ thận, rung thận, ấn điểm sườn lưng				
7.2	Nhận định đúng				
<b>8</b>	<b>Kết luận</b>				
	Bình thường hoặc bất thường (nếu có)				
<b>9</b>	<b>Kỹ năng giao tiếp - Tính chuyên nghiệp</b>				
9.1	Chào hỏi, giới thiệu bản thân, cảm ơn và thông báo kết quả sau khi khám.				
9.2	Hỏi xác định đúng bệnh nhân cần khám, giải thích để bệnh nhân hợp tác khi thăm khám.				

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**  
**BỘ MÔN NỘI**

**BẢNG KIỂM DẠY/HỌC KỸ NĂNG KHÁM BỤNG Y3**

TT	Nội dung	Không làm (0)	Làm thiếu/ không đúng (1)	Làm đủ, đúng (2)	Làm đủ, tốt (3)
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị</b>				
1.1	Giường bệnh gọn gàng, thầy thuốc có trang phục đầy đủ, đứng bên phải bệnh nhân				
1.2	Bệnh nhân nằm ngửa, ngay ngắn, chân co 45°, hay tay xuôi theo thân mình, bộc lộ đầy đủ ổ bụng, gọn gàng				
<b>2</b>	<b>Nhìn bụng</b>				
2.1	Hình dáng (kích thước, sự cân đối); nhận định đúng				
2.2	Di động theo nhịp thở; nhận định đúng				
2.3	Màu sắc da; nhận định đúng				
2.4	Các dấu hiệu bất thường khác (u cục nổi trên mặt da, sẹo mổ cũ); nhận định đúng				
<b>3</b>	<b>Sờ bụng</b>				
3.1	Đúng 3 nguyên tắc, đúng kỹ thuật				
3.2	Đánh giá thành bụng (mềm, căng, cứng)				
3.3	Xác định điểm đau (thượng vị, túi mật, niệu quản trên/giữa, ruột thừa)				
3.4	Xác định u, cục				
3.5	Làm một số nghiệm pháp (murphy, cảm ứng phúc mạc)				
3.6	Nhận định đúng kết quả				
<b>4</b>	<b>Gõ bụng</b>				
4.1	Đúng trình tự (nan hoa, không bỏ sót vị trí)				
4.2	Đúng kỹ thuật (gõ bằng 1 ngón tay thuận, cử động gõ bằng cổ tay)				
4.3	Nhận định kết quả đúng (trong, đục, vang)				
<b>5</b>	<b>Nghe bụng</b>				
5.1	Nghe nhu động ruột bằng ống nghe (toàn bộ ổ bụng theo phân khu)				
5.2	Nghe tiếng thổi động mạch chủ bụng, thận				
5.3	Làm dấu hiệu óc ách môn vị				
5.4	Nhận định đúng kết quả				
<b>6.</b>	<b>Kết luận</b>				
	Bình thường hoặc những điểm bất thường (nếu có)				
<b>7</b>	<b>Kỹ năng giao tiếp - chuyên nghiệp</b>				
7.1	Chào hỏi, giới thiệu bản thân, cảm ơn và thông báo kết quả sau khi khám.				
7.2	Hỏi xác định đúng bệnh nhân cần khám, giải thích để bệnh nhân hợp tác khi thăm khám.				

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**  
**BỘ MÔN NỘI**

**BẢNG KIỂM DẠY/HỌC KỸ NĂNG KHÁM GAN Y3**

TT	Nội dung	Không làm (0)	Làm thiếu/ không đúng (1)	Làm đủ, đúng (2)	Làm đủ, tốt (3)
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị</b>				
1.1	Giường bệnh gọn gàng, thầy thuốc đứng bên phải bệnh nhân				
1.2	Bệnh nhân nằm ngửa, ngay ngắn, chân co 45 độ, tay xuôi thân mình, bộc lộ đầy đủ ổ bụng, gọn gàng				
<b>2.</b>	<b>Nhìn gan</b>				
2.1	Quan sát hạ sườn phải, thượng vị so sánh với bên trái và quan sát các dấu hiệu bất thường khác; nhận định đúng				
2.2	Mô tả đúng dấu hiệu gợi ý gan to và các dấu hiệu bất thường khác; nhận định đúng				
<b>3.</b>	<b>Sờ gan</b>				
3.1	Đúng nguyên tắc, đúng kỹ thuật (từ hố chậu phải lên hạ sườn phải và thượng vị, phối hợp với nhịp thở)				
3.2	Xác định được bờ dưới gan và mô tả các tính chất nếu có (bờ, mặt, mật độ, đau)				
3.3	Nhận định đúng				
<b>4</b>	<b>Gõ gan</b>				
4.1	Đúng nguyên tắc và kỹ thuật (gõ 3 đường cạnh ức, giữa đòn và nách trước bên phải; dọc theo khoang liên sườn từ trên xuống)				
4.2	Xác định được bờ trên của gan và tính chất đục liên tục với bờ sườn				
4.3	Nhận định đúng				
<b>5</b>	<b>Đo chiều cao gan</b>				
5.1	Đo đúng kỹ thuật theo đường giữa đòn phải, nhận định đúng				
<b>6</b>	<b>Làm nghiệm pháp</b>				
6.1	Rung gan (đúng kỹ thuật, nhận định đúng kết quả)				
6.2	Ấn kê liên sườn (đúng kỹ thuật, nhận định đúng kết quả)				
6.3	Phản hồi gan tĩnh mạch cổ (đúng kỹ thuật, nhận định đúng kết quả)				
<b>7</b>	<b>Kết luận</b>				
	Xác định gan có to không, kích thước, các tính chất của gan				
<b>8</b>	<b>Kỹ năng giao tiếp - Tính chuyên nghiệp</b>				
8.1	Chào hỏi, giới thiệu bản thân, cảm ơn và thông báo kết quả sau khi khám.				
8.2	Hỏi xác định đúng bệnh nhân cần khám, giải thích để bệnh nhân hợp tác khi thăm khám.				

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**  
**BỘ MÔN NỘI**

**BẢNG KIỂM DẠY/HỌC KỸ NĂNG KHÁM LÁCH Y3**

TT	Nội dung	Không làm (0)	Làm thiếu/ không đúng (1)	Làm đủ, đúng (2)	Làm đủ, tốt (3)
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị</b>				
1.1	Giường bệnh gọn gàng, thầy thuốc đứng bên phải bệnh nhân				
1.2	Bệnh nhân nằm ngửa, tay xuôi thân mình, ngay ngắn, chân co 45°, bộc lộ đầy đủ ổ bụng, gọn gàng				
<b>2</b>	<b>Nhìn lách</b>				
2.1	Quan sát hạ sườn trái, mạng sườn trái so sánh với bên phải và quan sát các dấu hiệu bất thường khác.				
2.2	Mô tả đúng các dấu hiệu gợi ý lách to và các dấu hiệu bất thường khác				
<b>3</b>	<b>Sờ lách</b>				
3.1	Đúng nguyên tắc, đúng kỹ thuật (từ vùng hạ vị, bờ ngoài cơ thẳng bụng lên hạ sườn trái, phối hợp với nhịp thở)				
3.2	Xác định cực dưới, bờ răng cưa				
3.3	Mô tả các tính chất của lách to (mật độ, đau, bờ răng cưa)				
<b>4</b>	<b>Gõ lách</b>				
4.1	Đúng nguyên tắc và kỹ thuật: bệnh nhân nằm nghiêng phải (chân trên co chân dưới duỗi); gõ ở tư thế nằm nghiêng theo 3 đường nách trước, nách giữa, nách sau, dọc theo khoang liên sườn, từ hõm nách xuống, cử động cổ tay				
4.2	Xác định cực trên của lách				
4.3	Xác định được tính chất đục liên tục với bờ sườn				
<b>5</b>	<b>Kết luận</b>				
	Xác định lách có to hay không, phân độ nếu lách to				
<b>6</b>	<b>Kỹ năng giao tiếp - Tính chuyên nghiệp</b>				
6.1	Chào hỏi, giới thiệu bản thân, cảm ơn và thông báo kết quả sau khi khám				
6.2	Hỏi xác định đúng bệnh nhân cần khám, giải thích để bệnh nhân hợp tác khi thăm khám				

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**  
**BỘ MÔN NỘI**

**BẢNG KIỂM DẠY/HỌC KỸ NĂNG KHÁM CỔ TRƯỞNG Y3**

TT	Nội dung	Không làm (0)	Làm thiếu/ không đúng (1)	Làm đủ, đúng (2)	Làm đủ, tốt (3)
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị</b>				
1.1	Giường bệnh gọn gàng, thầy thuốc có trang phục đầy đủ, đứng bên phải bệnh nhân				
1.2	Bệnh nhân nằm ngửa, ngay ngắn, chân co 45°, hay tay xuôi theo thân mình, bộc lộ đầy đủ ổ bụng, gọn gàng				
<b>2</b>	<b>Nhìn bụng</b>				
2.1	Hình dáng bụng to, bè sang 2 bên; nhận định đúng				
2.2	Sự di động theo nhịp thở; nhận định đúng				
2.3	Màu sắc da bụng (có căng bóng, nhạt màu); nhận định đúng				
2.4	Rốn lồi, phẳng, mất nếp nhăn, tuần hoàn bàng hệ; nhận định đúng				
<b>3</b>	<b>Sờ bụng</b>				
3.1	Đúng 3 nguyên tắc, đúng kỹ thuật (như sờ bụng)				
3.2	Làm nghiệm pháp sóng vỗ				
3.3	Làm dấu hiệu cục nước đá nổi				
3.4	Nhận định đúng (dấu hiệu bụng căng của dịch, u cục, các nghiệm pháp)				
<b>4</b>	<b>Gõ bụng</b>				
4.1	Tư thế nằm ngửa: đúng trình tự nan hoa, đúng kỹ thuật (như gõ bụng)				
4.2	Tư thế nằm nghiêng (xác định sự thay đổi của diện đục): đúng kỹ thuật				
4.2	Nhận định kết quả đúng (gõ đục vùng thấp, hình dạng diện đục, sự thay đổi của diện đục)				
<b>5</b>	<b>Kết luận</b>				
	Bình thường hoặc những điểm bất thường (nếu có)				
<b>6</b>	<b>Kỹ năng giao tiếp - chuyên nghiệp</b>				
6.1	Chào hỏi, giới thiệu bản thân, cảm ơn và thông báo kết quả sau khi khám.				
6.2	Hỏi xác định đúng bệnh nhân cần khám, giải thích để bệnh nhân hợp tác khi thăm khám.				



**ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**  
**BỘ MÔN NỘI**

**BẢNG KIỂM ÔN TẬP KỸ NĂNG LÂM SÀNG TỔNG HỢP Y3**

<b>1. Kỹ năng hỏi bệnh</b>	<b>Không làm (0)</b>	<b>Làm thiếu/ không đúng (1)</b>	<b>Làm đủ, đúng (2)</b>	<b>Làm đủ, tốt (3)</b>
<b>1.1. Hỏi bệnh sử</b>				
- Khai thác được lý do khám bệnh/vào viện				
- Khai thác được đầy đủ các triệu chứng cơ năng liên quan tới lý do đến khám bệnh/vào viện				
- Khai thác được đặc điểm của các triệu chứng cơ năng (OPQRSTAA)				
- Khai thác được các xử trí trước nhập viện và đáp ứng				
<b>1.2. Hỏi tiền sử</b>				
- Tiền sử bệnh + các yếu tố nguy cơ và các thói quen ảnh hưởng đến sức khỏe + tiền sử gia đình				
<b>1.3. Biện luận các cơ quan cần khám thực thể</b>				
- Đủ, phù hợp				
<b>2. Kỹ năng khám bệnh (Khám thực thể 1 nội dung theo chỉ định)</b>	<b>Không làm (0)</b>	<b>Làm thiếu/ không đúng (1)</b>	<b>Làm đủ, đúng (2)</b>	<b>Làm đủ, tốt (3)</b>
- Chuẩn bị bệnh nhân và thầy thuốc phù hợp				
- Thực hiện đủ nội dung (nhìn, sờ, gõ, nghe, đo đặc, nghiệm pháp)				
- Thực hiện đúng nguyên tắc, đúng kỹ thuật				
- Nhận định kết quả đúng				
<b>3. Kỹ năng giao tiếp, tính chuyên nghiệp</b>	<b>Không làm (0)</b>	<b>Làm thiếu/ không đúng (1)</b>	<b>Làm đủ, đúng (2)</b>	<b>Làm đủ, tốt (3)</b>
- Tôn trọng người bệnh (giới thiệu bản thân, thông báo kết quả sau thăm khám); hỏi xác định đúng bệnh nhân cần khám, giải thích để bệnh nhân hợp tác khi thăm khám				
- Tác phong, trang phục phù hợp, có đủ dụng cụ thăm khám				